

MỘT SỐ VẤN ĐỀ MẪU CHỐT VỀ KHOA HỌC KỸ THUẬT TRONG PHÁT TRIỂN HOA MÀU LƯƠNG THỰC Ở NƯỚC TA

DINH VĂN LŨ

Để giải quyết vấn đề lương thực ở nước ta, một nhiệm vụ quan trọng là phải tăng nhanh sản lượng hoa màu. Từ trước đến nay, lương thực nước ta dựa vào lúa là chủ yếu, và đồng ruộng chỉ độc canh lúa, trừ một số vùng trung du, miền núi có trồng màu lương thực, nhưng lẻ tẻ, với tỷ lệ diện tích không nhiều.

Trong mấy năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, tình hình phát triển hoa màu lương thực ở ta tăng khá nhanh trên diện rộng và mở ra nhiều vùng khác nhau, cây trồng cũng phong phú như ngô, sắn, khoai lang, và gần đây, tăng vụ khoai tây ở các tỉnh phía bắc; cao lương ở các tỉnh phía nam, đã nâng cao khối lượng sản phẩm màu, góp phần quan trọng vào việc giải quyết vấn đề lương thực ở nước ta.

Trong phát triển hoa màu lương thực hiện nay, theo chúng tôi cần quan tâm giải quyết một số vấn đề mấu chốt về khoa học kỹ thuật sau đây:

1. PHÁT TRIỂN HOA MÀU LƯƠNG THỰC PHẢI ĐI THEO HƯỚNG THÂM CANH

Mấy năm qua, diện tích hoa màu lương thực đã tăng từ 500 000 ha năm 1970, lên 800 000 ha năm 1976, và 1 336 000 ha năm 1978. Như vậy là đã tăng gần gấp 3 lần so với năm 1970, và riêng từ 1976 đến 1979 đã tăng gấp 2 lần (kế hoạch 1979 là 1 772 000 ha).

Diện tích các cây hoa màu lương thực đều tăng, một phần do mở rộng thêm diện tích (ngô sắn), nhưng phần chủ yếu là do tăng vụ trên đất lúa (khoai tây, khoai lang, cao lương...). Nhìn chung, năng suất các cây hoa màu lương thực đều không tăng mà có chiều hướng giảm sút. Năng suất bình quân của ngô năm 1976 là 11,49 tạ/ha thì 1977 chỉ còn 10,05 tạ/ha; khoai lang năm 1976 là 59,7 tạ/ha thì năm 1978 chỉ còn

51,8 tạ/ha; sắn năm 1976 là 77,4 tạ/ha thì năm 1978 chỉ còn 71,4 tạ/ha; khoai tây 1976 là 102,5 tạ/ha thì năm 1978 chỉ còn khoảng 70-80 tạ/ha. Nguyên nhân chủ yếu là do chúng ta đã phát triển nhanh diện tích màu nhưng không đi đôi với thâm canh, mà trong phương hướng canh tác thì mở rộng diện tích là quan trọng, nhưng thâm canh vẫn là chủ yếu.

Vậy những biện pháp cụ thể về thâm canh hoa màu lương thực ở ta nên như thế nào? và nên đi theo hướng nào? Về vấn đề này ý kiến của chúng tôi như sau:

a) Phải thống nhất về các địa bàn trồng màu và hướng thâm canh trên từng địa bàn ấy. Hiện nay có ý kiến cho rằng có 4 địa bàn trồng màu lương thực chính là: đất bãi ven sông, đất lúa (vụ đông), đất đồi núi, và cao nguyên-bậc thềm. Chúng tôi thấy cách phân loại như thế là đúng nhưng đề đơn giản hơn, chúng tôi đề nghị chỉ nên chia làm 2 địa bàn trồng màu ở nước ta là: màu ở đồng bằng; màu ở trung du và miền núi.

b) Theo cách phân loại ấy thì hai biện pháp thâm canh màu ở đồng bằng quan trọng hơn cả là: phải tăng cường phân bón và đảm bảo thời vụ, vì đất đồng bằng đều là đất thuộc, con người đã khai thác rất nhiều năm, chất dinh dưỡng của đất đã bị lấy đi liên tục. Hơn nữa, đất hai vụ lúa có thể trồng xen được một vụ màu đồng đều là những chân ruộng tương đối cao, dễ thoát nước, phần lớn lại là đất cát pha, đất thịt nhẹ, độ màu mỡ của đất không nhiều. Vì vậy, nếu chỉ chú ý tăng vụ mà không tăng cường phân bón hợp lý thì càng mau chóng làm cho đất chóng bị kiệt quệ, mà đất đã bị kiệt quệ thì rất khó khôi phục lại độ màu mỡ ban đầu. Chỉ tiêu phân bón cụ thể ở vùng này tốt nhất phải là: mỗi vụ lúa 10 tấn phân chuồng/ha; riêng vụ đông 15-20 tấn phân chuồng/ha. So với chỉ tiêu đó thì lượng phân bón hữu cơ

binh quân hiện nay của các tỉnh đồng bằng chỉ là trên dưới 5 tấn/ha/vụ, nghĩa là mới đạt từ 1/3 đến 1/2 so với yêu cầu. Những con số này làm chúng ta phải hết sức quan tâm và kiên quyết khắc phục.

Ngoài việc tăng cường phân bón, thì vấn đề đảm bảo thời vụ cho các cây trồng hoa màu lương thực ở vùng đồng bằng cũng phải được coi là một biện pháp thâm canh màu rất quan trọng. Vì màu ở đồng bằng đã nằm trong một chế độ luân canh rất chặt chẽ, trong đó cây trồng trước ảnh hưởng đến cây trồng sau và ngược lại. Do đó, nếu không xác định cho được một cơ cấu mùa vụ hợp lý nhất thì chắc chắn vụ màu đông ở vùng đồng bằng sẽ bị lỡ thời vụ. Đây là điều đáng chú ý vì: Nếu thiếu phân bón thì sản phẩm sẽ ít; nhưng nếu trễ thời vụ thì có thể không có hoặc có rất ít sản phẩm thu hoạch (thời vụ màu vụ đông ở đồng bằng đã được quy định cụ thể là: khoai lang chậm nhất 15-10, khoai tây chậm nhất 15-11 v.v...). Kinh nghiệm những năm qua, một số huyện thuộc các tỉnh đồng bằng không đảm bảo được thời vụ này, đã kéo dài thời vụ khoai lang đông tới 30-10, thời vụ khoai tây tới 30-11 nên năng suất rất thấp (nhất là khoai lang gặp rét đầu vụ sẽ không phát triển được).

c) Hướng thâm canh màu ở miền núi và trung du quan trọng là chống xói mòn, vì:

Đất ở đây dốc, do đó lượng bào mòn lớn. Theo tài liệu đã nghiên cứu thì ở vùng núi và trung du nước ta, mỗi năm 1 héc ta sản bị xói mòn khoảng 147 tấn đất (nếu không có những biện pháp chống xói mòn thích đáng).

Hơn nữa, cây màu trồng ở đây đều là cây hàng năm, thường làm cho đất tơi xốp ra, do đó càng làm cho đất chống bị bào mòn (hơn là cây công nghiệp dài ngày). Do đó, để phát triển màu theo hướng thâm canh, bắt buộc chúng ta phải có những biện pháp chống xói mòn hữu hiệu. Biện pháp tốt nhất, đơn giản nhất như hợp tác xã Tiên Phú (Vĩnh Phú) đã làm là: trồng xen muồng muồng, cốt khí thành băng trên đồi sản, như vậy vừa chống được xói mòn, vừa chặt lấy thân lá ủ ngay tại đồi thành phân mà bón cho sản. Nhờ biện pháp chống xói mòn này mà hợp tác xã Tiên Phú đã đạt năng suất sản trên 10 tấn/ha, gần gấp đôi năng suất sản bình quân của các nơi khác.

Nhiều hợp tác xã cũng đã áp dụng các biện pháp chống xói mòn khác khá tốt, như hợp tác xã Quyết Thắng (xã Hòa Khánh - tỉnh Đắk Lắk) đã trồng sản xen với lạc và đậu đỗ, cứ một hàng sản xen hai hàng lạc và đậu đỗ như trên, vừa tận dụng được đất, vừa tăng cường độ che phủ đất; vừa chống được xói mòn, vừa tăng thêm nguồn phân bón cải tạo đất.

2. XÚC TIẾN VIỆC NGHIÊN CỨU, CHỌN, TẠO RA NHỮNG GIỐNG CÂY HOA MÀU LƯƠNG THỰC THÍCH HỢP.

Mỗi cây hoa màu đều nằm trong một hệ thống luân canh cây trồng nhất định, trong một điều kiện sinh thái nhất định, nên việc chọn giống cây trồng theo yêu cầu của điều kiện tự nhiên và sản xuất để tạo ra những giống cây thích hợp là rất quan trọng.

Trước mắt, đối với ngô ở các vùng ven bãi, ngô trồng vụ đông, cần có những giống ngô ngắn ngày, năng suất cao; còn ngô ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, lại cần giống dài ngày để tránh thu hoạch vào giữa mùa mưa, vì ở những vùng này, mùa mưa kéo dài 6 tháng (từ tháng 5 đến hết tháng 10). Do đó nếu không có những giống ngô dài ngày (5-6 tháng) thì khi thu hoạch sẽ rơi vào tháng 8, tháng 9, vẫn đang trong mùa mưa. Đây là một tồn tại khoa học kỹ thuật lớn, vì hiện nay trên thế giới cũng khó tìm được giống ngô dài tới 170-180 ngày, như vậy, nhiệm vụ đặt ra cho các nhà tạo giống ngô của ta là rất nặng nề.

Đối với khoai lang, cần có những giống khoai lang ngắn ngày, năng suất cao, phẩm chất ngon, lại chịu rét để trồng vụ đông ở các tỉnh phía bắc nước ta.

Đối với sản, cần có các giống sản củ mọc tập trung để dễ cơ giới hóa trong khâu thu hoạch ngoài ra còn cần củ phải ngắn mập, nhiều tinh bột, ít xơ, hàm lượng nước thấp, dễ chế biến.

Khoai tây, cao lương cũng đều cần những giống ngắn ngày, năng suất cao, dễ thuận lợi cho việc tăng vụ trên chân đất hai vụ lúa.

Giải quyết cho được khâu giống thích hợp là đã mở ra được những phương pháp mới trong thâm canh, tăng vụ cây trồng; là bước đi đầu tiên trong việc nghiên cứu, sản xuất các cây hoa màu lương thực ở nước ta hiện nay cũng như các cây trồng khác nói chung.

Những năm qua, chúng ta đã đạt được một số kết quả trong việc nhập nội, lai tạo, chọn lọc ra một số các giống ngô, khoai lang, sản, khoai tây, cao lương, nhưng trong thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất và đang còn là một vấn đề phải giải quyết trong thời gian tới. Có thể nêu ra đây 3 yêu cầu lớn về nghiên cứu khoa học - kỹ thuật đối với các giống hoa màu lương thực như sau:

a) Cần có những cơ sở nghiên cứu chọn tạo giống cây hoa màu lương thực ở nhiều vùng khác nhau. với những cán bộ chuyên trách đi sâu vào những công việc này, tránh thay đổi luôn. Cần tăng cường việc nhập nội các giống ngô, sản, khoai lang, cao lương... ở nhiều nước khác nhau để tranh thủ thời gian

nhau chóng tạo được những giống cây trồng theo yêu cầu sản xuất.

b) Phải coi trọng cả nghiên cứu hoa màu lấy hạt và lấy củ, vì mỗi loại đó những ưu và nhược điểm khác nhau. Hoa màu lấy hạt trồng có khó hơn, nhưng chế biến và bảo quản lại dễ hơn. Muốn thế, phải nghiên cứu tạo ra được những tập đoàn màu có hạt và có củ thích hợp cho cả hai địa bàn trồng màu ở nước ta (đồng bằng, trung du—miền núi), để làm sao đảm bảo tận dụng được hết các loại đất: đất tốt (trồng ngô), đất xấu (trồng cao lương), đất dốc (trồng sắn) đất cát pha (trồng khoai lang), đất thịt nhẹ (trồng khoai tây).

Những năm qua, công việc này chúng ta làm còn phân tán, thiếu phương pháp cụ thể và thống nhất. Nhiều cơ quan nghiên cứu nông nghiệp còn nặng nghiên cứu về lúa mà nhẹ về các cây hoa màu lương thực, nên kết quả đạt được chưa nhiều. Một số giống mới cũng chưa được xác định và áp dụng rộng rãi trong sản xuất.

3. TÍCH CỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ PHÂN BÓN ĐỂ PHÁT TRIỂN HOA MÀU MỘT CÁCH VỮNG CHẮC.

Hoa màu lương thực trồng trên đồi nương cũng như tăng vụ trên đất lúa, đều cần bón phân để thâm canh. Nhiều cây có củ như khoai tây, sắn, khoai lang có khả năng cho năng suất cao nhưng đòi hỏi nhiều chất dinh dưỡng. Theo tài liệu đã nghiên cứu thì muốn được 20 tấn sắn cần khoảng 108 kg đạm, 20 kg lân và 170 kg kali nguyên chất. Muốn được 10 tấn khoai tây cần 127 kg đạm, 28 kg lân và 223 kg kali nguyên chất. Vì vậy không thể không tăng khối lượng phân bón trong quá trình phát triển hoa màu lương thực.

Hướng giải quyết vấn đề phân bón cho các cây hoa màu lương thực chủ yếu vẫn là phân hữu cơ, gồm phân chuồng và các loại cây phân xanh. Tuy nhiên đối với từng địa bàn cụ thể thì cách giải quyết phân bón có khác nhau.

Đối với các cây màu trên địa bàn đất dốc, thì biện pháp chủ yếu giải quyết vấn đề phân bón là phải trồng màu có xen canh và luân canh với các cây họ đậu, như các loại đậu đỗ, lạc, cốt khí (trồng xen hoặc trồng thành băng) nhằm giải quyết nhu cầu phân xanh tại chỗ, như các hợp tác xã Đông Thành, Tiên Phú (Vĩnh Phú) đã làm. Đối với các cây trồng trên địa bàn đồng bằng, thì biện pháp giải quyết phân bón chính là đẩy mạnh chăn nuôi, bên cạnh đó cần nghiên cứu những cây luân canh và xen canh thích hợp như đỗ tương xen ngô; bèo dâu bón cho khoai lang khoai tây. Kinh nghiệm của nhiều hợp tác xã ở Vĩnh Phú, Hà Bắc, Hải Hưng, Thái Bình đã giải

quyết tốt vấn đề phân bón cho màu, chúng ta cần học tập. Ví dụ: hợp tác xã Đông Thành (Sông Lô-Vĩnh Phú), với một đoàn 12 xe bò bánh lốp, đã liên tục chở phù sa từ bờ sông lên bón cho sắn trên đồi, bình quân hàng năm các đồi sắn ở đây được bón thêm trên dưới 5.000 tấn phù sa có độ màu mỡ cao. Trường thành niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa Bình đã tích cực giải quyết phân bón cho sắn bằng lá muồng muồng, cốt khí, trộn lẫn phân rác, đảm bảo bón cho 1 ha sắn 20 tấn phân chuồng (gấp 3 lần so với bình quân chung), đạt năng suất 20 tấn sắn củ/ha (cũng gấp 3 lần so với bình quân chung).

Vùng ngô Tây Nguyên đã có kinh nghiệm luân canh một vụ ngô, một vụ đỗ tương.

Khoai tây ở nhiều hợp tác xã vùng đồng bằng đã được bón khá đều phân chuồng, như hợp tác xã An Bình (Hải Hưng) đã bón tới hơn 20 tấn/ha phân chuồng và một số phân đạm nhất định để đạt năng suất cao.

Chúng ta cần nghiên cứu để sử dụng loại phân nào thích hợp cho loại cây nào, nghiên cứu các cây phân xanh phù hợp với từng loại đất và trên từng công thức luân canh khác nhau, đồng thời nghiên cứu mọi nguồn phân có thể sử dụng được ở từng địa phương để bón cho các cây hoa màu lương thực.

Để giải quyết một khối lượng lớn phân bón, ngoài việc phát triển trồng các loại cây phân xanh trên đồi nương, và bèo dâu, điên thanh dưới ruộng, còn cần đẩy mạnh chăn nuôi và có chế độ, chính sách khuyến khích và quản lý chặt chẽ phân bón. Cần phát động rộng rãi phong trào toàn dân tích cực làm phân bón, dựa vào sức mạnh của quần chúng nhân dân, xã viên hợp tác xã và các đoàn thể thanh niên, phụ nữ. Nhiều hợp tác xã như Song Phượng, Phụng Thượng (Hà Nội), Vũ Thắng (Thái Bình), Định Công (Thanh Hóa); Thăng Long, An Bình, Cẩm Định (Hải Hưng) và một số hợp tác xã khác, là những cơ sở sản xuất đã tự mình giải quyết được một lượng phân hữu cơ khá lớn.

Kinh nghiệm về làm phân bón của các hợp tác xã này có thể tóm lại trong 5 điểm sau:

Một là, phải kiên quyết giao nghĩa vụ làm phân bón cho các trại chăn nuôi tập thể với mức ít nhất là 2 tấn phân chuồng 1 đầu lợn. Hiện nay phần lớn các trại chăn nuôi lợn tập thể đều không giao chỉ tiêu phân bón. Đó là một thiếu sót lớn cần khắc phục. Muốn làm như trên, trại lợn tập thể nào cũng phải có đội chế biến phân, và xã viên nào làm phân cũng sẽ phải lĩnh phần công diêm theo đúng số phân mà mình giao nộp được.

Hạt là, phải kiên quyết giao nghĩa vụ làm phân bón cho các gia đình xã viên, tính theo số nhân khẩu từng hộ. (Mức 1 lao động giao 2 - 3 tấn trong 1 năm là vừa phải). Trên cơ sở

chỉ tiêu giao khoán đó, phải có chế độ khuyến khích thích đáng bằng cách bán lương thực theo một tỷ lệ nhất định (thường là 0,6 - 0,8 kg thóc cho 1 đồng tiền bán phân), kèm theo với giá thu mua phân chính thức khá cao, để khuyến khích xã viên làm phân bón.

Ba là, phải tận dụng cao độ đủ mọi loại đất bờ nương, bờ ao, bờ ruộng, bờ kênh, bờ đường giao thông... để trồng các loại cây họ đậu, như điền thanh, muồng muồng, cốt khí... Muốn làm tốt việc này phải giao khoán đất thừa đó cho từng gia đình xã viên, trên cơ sở hợp tác xã đầu tư giống, vốn, phân bón và công chăm sóc, sau đó hợp tác xã lấy lá làm phân bón ruộng, xã viên lấy thân cây để làm chất đốt. Nhờ đó sẽ mở ra khả năng đẻ cây vụn rạ, tăng thêm một lượng lớn chất hữu cơ cho đất.

Bốn là, phải hết sức chú ý vận động mọi người tận dụng tất cả các nguồn phân bón, như bùn ao phơi khô, đất màu đập nhỏ, phủ sa, bèo dậu, phân rác, phân bắc, gio trộn nước giải, hoặc hồ nước tiêu, phân trâu bò v.v... (chú ý tận thu phân bắc, nước giải ở các nơi tập thể, như cơ quan, trường học, chợ búa, công trường...).

Năm là, rất nhiều diện tích hàng rào hiện nay của các gia đình xã viên còn chưa được sử dụng đúng mức, nên khuyến khích bà con "phá hàng rào gai, đai hàng rào đậu" để vừa có sản phẩm cải thiện, vừa có thêm lá cây họ đậu, làm tăng thêm nguồn phân bón cho cây trồng.

Trong vấn đề phân bón cho nông nghiệp, phải thấy ngoài phân hữu cơ ra thì phân vô cơ (đặc biệt là đạm vô cơ) là hết sức cần thiết cho các cây trồng ngắn ngày (lúa xuân, lúa mùa sớm, khoai tây, đậu tương, ngô...). Do đó, mặc dầu hiện nay còn nhiều khó khăn, chúng tôi muốn nhấn mạnh về mặt khoa học kỹ thuật là: đi đôi với cuộc cách mạng về sinh học, làm thay đổi sâu sắc cơ cấu cây trồng, đưa hệ số quay vòng ruộng đất từ 1 vụ lên 2 vụ, 3 vụ, thậm chí 4 vụ trong năm, thì vấn đề tập trung vốn đầu tư để giải quyết vấn đề phân đạm là rất cần thiết. Về lâu dài, Nhà nước cần nghiên cứu tập trung kinh phí vào việc xây dựng một hệ thống công trình xí nghiệp chuyên sản xuất phân bón vô cơ, như nhà máy phân đạm, phân lân, phân kali..

4. VẤN ĐỀ CHẾ BIẾN, VẬN CHUYỂN VÀ TIÊU THỤ MÀU CŨNG LÀ MỘT KHÂU KHOA HỌC KỸ THUẬT CẦN COI TRỌNG ĐỂ PHÁT TRIỂN HOA MÀU LƯƠNG THỰC

Sản phẩm của các cây hoa màu lương thực có những đặc điểm sinh vật học cần chú ý, nhất là những cây lấy củ có khối lượng cồng

kênh, hàm lượng nước trong củ cao, sau khi thu hoạch thường vẫn hô hấp và diễn ra những phản ứng sinh hóa... Do đó, trong các khâu vận chuyển bảo quản, chế biến hoa màu lương thực thường gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi chúng ta cần nghiên cứu giải quyết đầy đủ, chu đáo về mặt khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế. Thời gian qua chúng ta đã có một số kết quả nghiên cứu về thu hoạch và chế biến màu, đã bước đầu đưa màu vào cơ cấu bữa ăn, nhưng đây vẫn là vấn đề tồn tại cần giải quyết, kể cả khâu vận chuyển, tiêu thụ; tránh tình trạng sản xuất màu rồi không chế biến được, không có nơi tiêu thụ.

Theo chúng tôi, hướng chế biến màu có thể có mấy cách:

a) *Chế biến màu ở vùng tập trung*: nên xây dựng những cơ sở chế biến màu công nghiệp (bao gồm các khâu: sơ chế, rửa sạch, sấy khô, thái nghiền, trộn), để chế biến thành sản phẩm tiêu dùng ở những vùng nào tập trung lớn như Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, để đảm bảo tính kinh tế và hạ giá thành sản phẩm.

b) *Chế biến màu theo quy mô nhỏ*: chủ yếu là ở các vùng màu tương đối tập trung ở một số tỉnh thuộc đồng bằng và trung du Bắc Bộ. Theo hướng này, nên xây dựng những cơ sở chế biến nhỏ (cụm chế biến) với những thiết bị chế biến không đòi hỏi phải hoàn chỉnh ở tất cả các khâu như kinh nghiệm của các tỉnh Vĩnh Phú, Hà Bắc, Hoàng Liên Sơn đã làm. Những cơ sở chế biến này chỉ nên có tính chất liên huyện (hoặc một huyện) nhằm mục đích sơ chế, gia công nghiền trộn sẵn, khoai lang (khô) cho các hợp tác xã, phục vụ cho chăn nuôi tập thể; hoặc sử dụng vào bữa ăn hàng ngày.

Với cách đặt vấn đề như vậy, chúng tôi thấy nên ủng hộ những cố gắng chế biến màu tương đối tập trung, nhưng khá đơn giản, không phải sử dụng tới các nhiên liệu quý hiếm (như điện, than, xăng, dầu ma dút...) kiểu như cơ sở chế biến màu ở thị xã Phú Thọ (Vĩnh Phú) với cách chế biến chính là: thái lát (bằng máy đập chân hoặc quay tay) rồi phơi khô bằng ánh sáng mặt trời, sau đó là nghiền trộn.

c) *Chế biến màu phân tán*: đây là một hướng chế biến quan trọng, chủ yếu đối với vùng đồng bằng, trung du, miền núi Bắc Bộ, khu 4 cũ, vùng duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long.

Trong toàn bộ sản lượng màu (quy thóc) của kế hoạch 1980 là 6818000 tấn, thì chỉ có 1/10, tức 60 vạn tấn, do Nhà nước thu mua để chế biến thành màu hàng hóa, còn lại trên 9/10, là màu phân tán trong nhân dân, do đó việc sơ chế, bảo quản, dự trữ màu làm lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, chủ

yếu phải là do toàn bộ các hộ gia đình xã viên nông dân làm. Để giúp cho nông dân sơ chế hoa màu lương thực, cần trang bị những công cụ nạo, duỗi, thái đập chân hoặc quay tay với công suất 100 — 150kg/giờ, và cần sản xuất khoảng vài vạn cái để cung cấp cho các địa phương.

Ngoài ra, cần phổ biến rộng rãi kinh nghiệm ủ sản phẩm của nông trường Tân Lâm (Bình Trị Thiên) để áp dụng cho những vùng hay bị mưa dầm trong thời vụ đào dỡ sản. Cụ thể là: nông trường Tân Lâm đã đào hầm kín, khô ráo, để sản củ tươi trong đó nhiều tháng, đến mùa nắng khô (sau 3 — 6 tháng) mới mang ra phơi (thái lát, nghiền...) Kinh nghiệm này tuy nhỏ nhưng tác dụng kinh tế lớn, giúp cho việc bảo quản hàng vạn tấn sản trong mùa mưa.

Trên cơ sở trang bị rộng rãi công cụ thái, duỗi thủ công, đơn giản cho nông dân, chúng tôi tin rằng việc chế biến, bảo quản hoa màu, lương thực ở nước ta sẽ được giải quyết, vì đưa vào nguồn lao động dồi dào của quần chúng nhân dân, và nguồn năng lượng bức xạ mặt trời phong phú của nước ta để giải quyết vấn đề phơi sấy khô.

Trong năm 1980, năm kết thúc của kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai, nhiệm vụ sản

xuất hoa màu lương thực rất nặng nề. Theo kế hoạch năm 1980, chúng ta phải đưa diện tích màu cả nước từ 1,7 triệu hecta lên trên 2,3 triệu hecta; và sản lượng màu (quy ra thóc) từ 3 — 4 triệu tấn lên 7 — 8 triệu tấn; phải đưa sản lượng màu hàng hóa từ 32 vạn tấn lên 60 vạn tấn. Để thực hiện cho được nhiệm vụ nặng nề này, ngoài những chính sách, chế độ cụ thể để khuyến khích sản xuất màu của Nhà nước, thì một số biện pháp về tổ chức, quản lý kinh tế, và đặc biệt là về khoa học kỹ thuật (nêu trên) cần được giải quyết tốt mới có khả năng đẩy mạnh phong trào sản xuất màu trong cả nước hiện nay.

Đồng thời chúng tôi thấy cần đẩy mạnh hơn nữa việc triển khai Chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật về màu trong thời gian tới.

Trên thực tế hiện nay Chương trình màu mới triển khai tương đối có kết quả với ngô và khoai tây, về các mặt: tạo giống, cơ giới hóa... Còn đối với sản, khoai lang, cao lương, thì tác động của việc triển khai theo chương trình chưa nhiều. Thời gian tới, cần tập trung giải quyết nhiều hơn vấn đề chế biến, thu mua, vận chuyển màu tạo sự gần bó hơn nữa giữa Bộ nông nghiệp với Bộ lương thực — thực phẩm và các ngành có liên quan, theo phương thức triển khai Chương trình tiến bộ khoa học — kỹ thuật về hoa màu lương thực do Nhà nước đã đề ra.

Công tác khoa học kỹ thuật của Hải Phòng

(Tiếp theo trang 3)

Đi đôi với đẩy mạnh sản xuất, cần hết sức coi trọng việc quản lý kỹ thuật, chống việc làm ăn dối trá, chạy theo «doanh thu» chạy theo số lượng.

Cần nghiên cứu tăng cường và thống nhất tổ chức quản lý khoa học, kỹ thuật từ thành phố đến cơ sở đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất — kỹ thuật về khoa học, kỹ thuật v.v... Phải tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo, quản lý, sử dụng tốt lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật, tăng cường cán bộ khoa học, kỹ thuật cho cơ sở và huyện; tạo điều kiện để anh chị em nghiên cứu và thực hiện tốt các đề tài khoa học, kỹ thuật.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và 2 nghị quyết gần đây của Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng về tình hình, nhiệm vụ cấp bách và về phương hướng, nhiệm vụ phát triển công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp địa phương, công tác khoa học, kỹ thuật của thành phố chúng tôi cần được làm tốt hơn nữa để phục vụ và thúc đẩy sản xuất phát triển trong giai đoạn cách mạng mới và đánh bại bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc nếu chúng dám liều lĩnh xâm phạm lần nữa Tổ quốc chúng ta, bảo vệ thành phố Cảng «Trung dũng — Quyết thắng».